

Bài thứ sáu

玉 不 琢
Ngọc: hòn ngọc Bất: chẳng Trác: mài dũa

不 成 器
Bất: chẳng Thành: nên Khí: đồ dùng (Đồ Trang sức đẹp)

人 不 学
Nhân: con người Bất: chẳng Học: học

不 知 理
Bất: chẳng Tri: hiểu biết Lý: lẽ, nghĩa lý

Diễn âm

Ngọc bất trác, bất thành khí. Nhân bất học, bất tri lý.

Diễn nghĩa

Hòn ngọc chẳng được mài dũa, thì không thành đồ dùng (trang sức đẹp đẽ). Con người mà chẳng học, thì không hiểu biết nghĩa lý ở đời. **Nghĩa lý đây là Đạo lý làm người: Đạo Nhân & Đức Nghĩa.** Từ ngàn xưa cha ông ta đã đánh giá cao việc học và lưu tâm tới việc học hành của con cái, nên hiếu học là một truyền thống rất tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Truyền thống này còn được phổ biến tới ngày nay.

Cha ông chúng ta đã bảo : “ Ngọc kia chẳng dũa chẳng mài, cũng thành vô dụng cũng hoài ngọc đi, con người ta có khác gì, học hành dốt nát ngu si hư đời, những anh mít đặc thôi thời, ai còn mua chuốc đón mời làm chi! ”.

Bài thứ bảy

為 人 子

Vi: làm Nhân: người Tử: con

當 少 時

Đương: gặp lúc, đương còn Thiểu: trẻ tuổi Thời: Lúc

親 師 友

Thân: Cha mẹ thương yêu, Sư: ông thầy Hữu: người bạn

習 禮 儀

Tập: học rồi đem ra thực hành **Lễ :** bày tỏ lòng kính trọng **Nghi:** khuôn mẫu làm người

Diễn âm

Vi nhân tử, đương thiếu thời, thân sư hữu, tập lễ nghi.

Diễn nghĩa

Phận làm con lúc còn trẻ phải thương yêu gần gũi với cha mẹ, thầy giáo và bạn bè, muốn được như vậy thì phải học và thực hành khuôn mẫu của điều Lễ (đã giải nghĩa ở trên). Đây là đạo làm người.

“ Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ phải yêu lấy Thầy. “

“ Thói thường chọn bạn mà chơi .”

“ Giàu vì bạn, sang vì vợ .”

Bài thứ tám

孝 於 親

Hiếu: Tôn kính và biết ơn cha mẹ **Ư:** với **Thân:** Cha mẹ

所 當 識

Sở: lẽ, chốn **Đương:** nên **Thức:** nhận biết

悌 於 長

Đễ: kính yêu người lớn **Ư:** với **Trường:** người lớn

宜 先 知

Nghi: nên **Tiên:** trước **Tri:** hay, biết

首 孝 悌

Thủ: Đầu, trước hết **Hiếu:** kính trọng và biết ơn cha mẹ **Đễ:** kính yêu người lớn, lòng thảo.

次 見 聞

Thứ: bậc dưới, tiếp đến **Kiến:** điều mắt thấy **Văn:** điều tai nghe

Diễn âm

Hiếu ư thân, sở đương thức. **Đễ** ư trường, sở đương tri .**Thủ** hiếu đễ, thứ kiến văn.

Diễn nghĩa

***Hiếu** với cha mẹ là điều nên hiếu rõ, Kính yêu người lớn là điều nên biết. **Hiếu** thảo là việc trước tiên, thứ đến mới đến nghe thấy, tức là **kiến thức**.*

Đạo Hiếu là nguồn gốc của văn hoá Cha ông. Nhờ Đạo Hiếu mà dân tộc chúng ta duy trì được nguồn gốc Tổ tiên qua Lễ Gia tiên, (Thờ cúng ông bà), cũng như giữ nền tảng gia đình, và quốc gia . Quốc gia chúng ta được xây dựng trên nền tảng gia đình.

Nhờ vậy mà qua nhiều ngàn năm dân tộc ta không bị Tàu đồng hoá. Thế nhưng qua nhiều ngàn năm sống trong cảnh nghèo đói, bị quên lãng một phần, nhất là khi tiếp xúc với văn minh choáng lòa của Tây Âu thì sự tha hoá đã tới mức báo động.

Bài học này có ba lời khuyên

1 .- **Đạo hiếu** là đạo quan trọng bậc nhất của dân tộc ta, nên cho đạo hiếu là nền tảng của những nhân đức khác. (**Nhân sinh hiếu nghĩa vi tiên**).

Để thực hành đạo hiếu, việc trước tiên là **tôn kính biết ơn cha mẹ, nhất là phải vâng lời để trao dồi tư cách làm người, nghĩa là để thành Nhân và thành Thân. Có thành Nhân thì mới có tư cách, và thành Thân thì mới có khả năng.** Được như thế, thì đến khi lớn lên mới có thể làm những điều ích quốc lợi dân để cho cha mẹ họ hàng, làng nước được tiếng thơm lây, **lúc về già** thì phụng dưỡng cha mẹ, lúc cha mẹ quá vãng thì lo cho mồ êm mả đẹp và làm lễ Gia tiên hàng năm để tưởng nhớ. Trong thực tế không có một người con hiếu thảo nào mà không nên người.

2 .- “ **Kính già yêu trẻ** ” là một lời khuyên thường xuyên trên cửa miệng mọi người để ăn ở với nhau cho hoà thuận, tốt đẹp. Đây là nền tảng của cuộc sống hoà bình.

3 .- **Khuyến học** để thành Nhân và thành Thân là lời khuyên quan trọng.

Bài thứ chín

三 才 者

Tam: ba **Tài:** đáng làm việc được (Sáng tạo, Tác hành) **Giả:** là, ấy

天 地 人

Thiên: Trời **Địa:** Đất **Nhân:** Người

三 光 者

Tam: ba **Quang:** nguồn sáng **Giả:** ấy là

日 月 星

Nhật: mặt trời **Nguyệt:** mặt trăng **Tinh:** ngôi sao

Diễn âm

Tam tài giả: Thiên, Địa , Nhân. **Tam quang giả:** Nhật, Nguyệt, Tinh .

Diễn nghĩa

Ba đáng bậc (sáng tạo, làm việc được): Trời, Đất, Người. Ba nguồn sáng trong vũ trụ là: Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao.

Chú thích

Trời Đất sinh sinh hoá hoá tạo ra vũ trụ muôn loài, con người cũng có khả năng tham gia vào, để tiếp công việc sáng tạo với Trời Đất, nên con Người được xếp vào Tam Tài. Tài là tác hành, có khả năng làm việc và sáng tạo .

Con người là một Tài, được gọi là Nhân hoàng, Trời và Đất là hai tài khác được gọi là Thiên hoàng, Địa hoàng, ta gọi cả ba là Tam hoàng.

Đây là con người to lớn có địa vị cao sang, tinh hoa của Trời Đất. Con Người không nô lệ Thần linh, chỉ biết nài nỉ cầu xin, hay không lệ vật chất, coi của nặng hơn người, mà là Nhân hoàng. Muốn được sánh vai cùng với Thiên và Địa hoàng trong công việc tạo dựng vũ trụ, con người phải là **con người Nhân chủ**, nghĩa là con người tác hành, biết tự lực tự cường để góp công xứng đáng vào công việc sáng tạo của Trời Đất.

Tam Tài là một triết thuyết của Việt tộc. Xưa nay người ta cứ tưởng lầm là riêng của Tàu.

Bài thứ mười

三 綱 者

Tam: ba **Cương:** Cái chủ nã, cái giềng mối **Giả:** Đó là

君 臣 義

Quân: Vua, Quốc trưởng, Tổng thống, Thủ tướng **Thân:** bề tôi, cấp dưới. **Nghĩa:** việc theo lễ phải, việc bổn phận

父 子 親

Phụ: cha mẹ **Tử:** con cái **Thân:** thương yêu, gần gũi nhau

夫 婦 順

Phu: người chồng **Phụ:** người vợ **Thuận:** sống chiều theo nhau, hoà thuận với nhau.

Diễn âm

Tam cương giả, quân thân nghĩa, phụ tử thân, phu phụ thuận.

Diễn nghĩa

Ba giềng mối của đạo làm người là: **Nghĩa** vua tôi, **Tình** cha con, **Đạo** vợ chồng: **Quốc trưởng** làm giềng mối cho bề tôi noi theo, mà nên có **Nghĩa** với nhau, **Cha mẹ** làm giềng mối cho con cái noi theo, làm nên **tình thân**, **Chồng** làm giềng mối cho **Vợ** noi theo mà nên **hoà thuận**; các mối liên hệ đó được ví như tám lưới, các mắt lưới đều theo về giềng (cái triềng của lưới) lưới vậy.

1 .- **Quan hệ vua tôi của Việt tộc** khác với người Tàu: Ở Việt tộc **quan hệ giữa vua tôi** là quan hệ tương kính và về nghĩa vụ, quyền lợi của mỗi bên phải làm, còn **quan hệ của Tàu**

là quan hệ tôn Quân, trung quân một cách mù quáng, vua có quyền trên sinh mạng của các vua quan và dân chúng.

2.- Theo **Văn hoá Tàu** thì Quyền cha lấn át quyền mẹ (trọng nam khinh nữ), kiểu “chồng chúa, vợ tôi”, nên gọi **người Vợ là phụ**, tức là người tùy phụ trong gia đình, người đàn bà được gọi là người nội trợ, còn Văn hoá Việt thì địa vị người đàn bà cao hơn nhiều, người vợ được gọi là **thê (phu thê)**, **người Vợ là nội tướng** giữ một vị trí quan trọng trong việc quản lý gia đình.

3.- **Còn Cha (mẹ) đối với con (cái) thì Cha mẹ thì thương yêu con cái**, cách thương yêu tích cực là dạy dỗ cho nên người, để khi lớn lên người con là con người có nhân cách, có thể sống tự lập vững vàng được. **Còn con cái đối với cha con thì phải Hiếu, Kính đã nói ở trên.**

Lại nữa, trong Ngũ luân, Văn hoá của ta, xếp theo thứ tự: **Vợ chồng trước, rồi đến Cha con (Cha Mẹ, Con cái), Anh Em, Vua Tôi, Bạn Bè (đồng bào)**

Vợ chồng là nền tảng của gia đình và xã hội, vì là giềng mối quan trọng nhất của đạo làm Người, nên mới nói: “**Đại Đạo Âm Dương hòa**”

Còn văn hoá Tàu thì lại xếp ưu tiên: **Vua tôi, Cha con, Vợ chồng, Anh em, Bạn bè.** Việc này cho ta thấy tính chất chuyên chế của **chế độ phong kiến của Tàu: Tôn quân và trọng Nam khinh Nữ.**

Bài thứ Mười một

曰	春	夏
Viết: nói rằng	Xuân: mùa Xuân	Hạ: mùa Hạ, (Hè)
曰	秋	冬
Viết: nói rằng	Thu: mùa Thu	Đông: mùa Đông
此	四	時
Thử: đó là	Tứ: bốn	Thời, thì: mùa
運	不	窮
Vận: xoay vần, di chuyển	Bất: chẳng	Cùng: cuối hết, hết

Diễn âm

Viết Xuân, Hạ . Viết Thu Đông. Thử tứ thời, vận bất cùng .

Diễn nghĩa

Mùa Xuân, mùa Hạ, mùa Thu, mùa Đông, đó là bốn mùa, bốn mùa cứ xoay vần chẳng cùng. Bốn mùa **Xuân, Hạ, Thu, Đông là cơ cấu Thời gian**, thời gian thì biến hoá vô cùng.

Bài thứ Mười Hai

曰 南 北
Viết: nói rằng Nam: phương Nam Bắc: phương Bắc

曰 西 東
Viết: nói rằng Tây: phương Tây Đông: phương Đông

此 四 方
Thử: đó là Tứ: bốn Phương: hướng

應 乎 中
Ứng: đáp lại, ứng theo nhau Hồ: về Trung: ở giữa

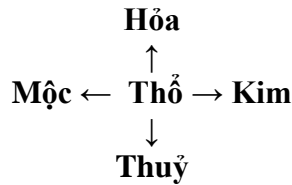
Diễn âm

Viết Nam Bắc, viết Tây Đông. Thứ tứ phương, ứng hồ trung

Diễn nghĩa

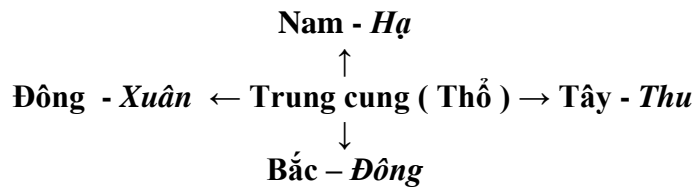
Phương Nam, phương Bắc, phương Tây, phương Đông.
Đó là bốn phương, bốn phương ứng đáp, quy vào ở giữa. (Trung ương: **hành Thổ**)
Nam, Bắc, Đông, Tây, Đông là 4 phương thuộc cơ cấu không gian. Không gian thì hữu hạn. Trung là trung cung ở giữa ở trong cơ cấu Ngũ hành.

Cơ cấu Ngũ hành



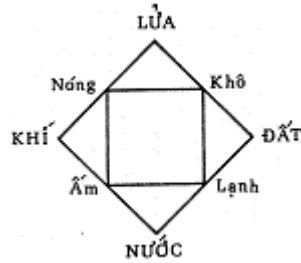
Kim, Mộc, Thủy Hỏa là 4 hành, **Thổ là Trung cung.**

Cơ cấu Thời gian và không gian xếp theo Ngũ hành. (*five agents*)



Tổ tiên xưa, dùng khung Ngũ hành để tổng hợp các đối cực sao cho đạt vị trí quân bình động, vì lý trí chưa phát triển, nên chưa mà biết lối Phân tích và Tổng hợp như ngày nay.

Hỏa - Thủy, Mộc – Kim là hai cặp đối cực, nhờ có Thổ như chất đệm (Tampon) để (điều phối các cặp đối cực hoà hợp với nhau mà đạt thể quân bình động mà biến hoá. (một cách thô sơ, ta dùng Lửa (Hỏa) đun sôi Đất (Thổ) đựng Nước (Thủy) để nấu cho nước bốc hơi mà biến hoá, thay đổi trạng thái. Tất cả 4 hành xung quanh phải ứng với hành Thổ, mà Thổ không có nghĩa là Đất, mà là một hành như chất đệm trong phản ứng Hóa học, các hành đối cực xung quanh nhờ hành Thổ mà lập thể quân bình động mà biến hoá được. Còn Tây phương chỉ có bốn tố chất (**tứ tố**: four elements), đó là **Lửa, Đất, Nước, Khí** : **Lửa** (khô) **Đất** (lạnh) **Nước** (ẩm) **Khí** (nóng) **Lửa**, mà không có trung cung). Nhà Phật gọi là Thân tứ đại. Sau này thêm vào ether, nhưng ether vẫn là vật chất, không thể đóng vai trò như hành Thổ.



Bài thứ mười Ba

木 金 土

Mộc: cây, sinh vật **Kim**: chất Kim loại, khoáng chất **Thổ**: chất đất, ở đây không phải là đất, mà Thổ tượng trưng nguồn gốc của vật chất, năng lượng, sinh vật và khoáng chất

日 水 火

Viết: rằng **Thủy**: chất Nước, nước là nguồn gốc của vạn vật, nói rộng là vật chất.
Hoả: lửa - là năng lượng. -

此 五 行

Thử: đó là **Ngũ**: năm **Hành** (agent, fluid): Vật chuyển động, biến hoá

本 乎 數

Bản: gốc **Hồ**: ở **Số**: các số (số sinh, số thành)

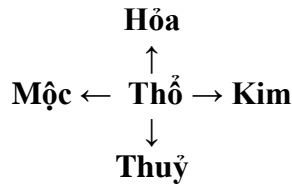
Diễn âm

Viết Thủy, Hoả, Mộc, Kim, Thổ. Thử Ngũ hành, bản hồ số.

Diễn nghĩa

Chất Nước (vật chất), chất Lửa, (năng lượng), Cây cối (sinh vật), chất Kim (khoáng chất), Hành Thổ (nguồn gốc của các 4 chất trên): đó là 5 hành (ngũ hành), gốc của các số (số sinh : 1, 2, 3, 4, 5 và số thành : 6, 7, 8, 9).

Sơ đồ Ngũ hành



Các số xếp theo Ngũ hành

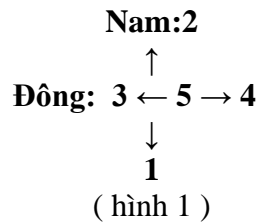
Cách xếp các số:

Khi ta đứng ở đâu thì ghi số 1 ở đó, mặt quay về phía Nam ghi số 2, hai số 1 (số lẻ) và 2 (số chẵn) là hai đối cực Theo văn hoá Tả nhậm ta ghi tiếp số 3 theo chiều ngược kim đồng hồ, rồi ghi số 4 là hai đối cực khác. Các số đó phải đối xứng (quy chiếu) qua với số 5 ở trung tâm. Người ta phân biệt 3 nền văn hoá:

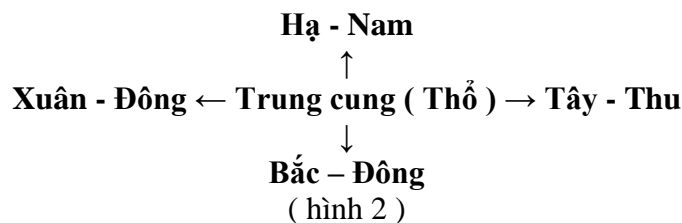
Đông Nam Á là 3 – 2 (3 tinh thần , 2 vật chất)

Tây Âu là 1 – 4 (1 tinh thần, 4 vật chất)

Án Độ là 4 – 1 (4 tinh thần, 1 vật chất)



Cơ cấu Thời gian và không gian xếp theo Ngũ hành



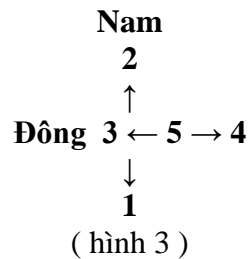
Theo **Einstein** thì Thời gian (Xuân, Hạ, Thu, Đông) và không gian (Đông, Tây, Nam, Bắc) là hai mô căn bản tạo nên vũ trụ vật chất muôn loài.

Theo **Lạc Thu** thì các số Chẵn (Không gian), số Lẻ (Thời gian) của số sinh và số thành đan kết với nhau mà cá biệt hoá, mà sinh ra thế giới hiện tượng.

Einstein mới tìm ra Thời - Không - nhất thể (Time – Space – continuum) vào thế kỷ 20, còn Tổ tiên Việt đã tìm ra cơ cấu Ngũ hành từ thời Nghiêu, Thuấn (trong Nghiêu điển).

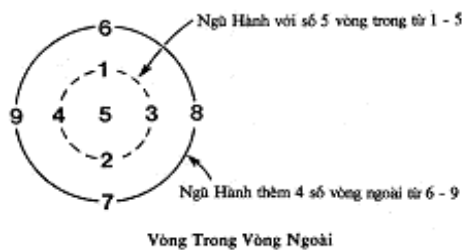
Những kiến thức về việc tạo thành vũ trụ được đem dạy cho các em nhỏ từ lúc mới học khai tâm. Nhưng không thay, lại không ai giải thích được cho rõ ràng, thành thử những khám phá quan trọng của Tổ tiên cứ thế mà ngày càng mai một. (1)

Các số xếp theo Ngũ hành



Số sinh : 1 2 3 4 5

Số thành : 6 7 8 9 10 : (1 + 5 = 6 ; 2 + 5 = 7 ; 3 + 5 ; 4 + 5 = 9 5 + 5 = 10)



Từ các số Sinh số Thành, suy ra Cửu trù, Hồng phạm, Hà đồ, Lạc thư . .

Nên gọi các số 1 2 3 4 5 là gốc các số.

Coi số điểm trong Hà Đồ : số 1 (lẻ) của Trời sanh ra hành Thủy , số 6 (: 1 + 5) của Đất thành cho nó ; số 2 (chẵn) của Đất sanh ra hành Hoả , số 7 (: 2 + 5) của Trời thành cho nó , số 3 của Trời sanh ra hành Mộc , số 8 (3 + 5) của Đất thành cho nó ; số 4 của Đất sanh ra hành Kim , số 9 (: 4 + 5) của Trời thành cho nó ; số 5 của Đất (Dynamic Force) sanh ra hành Thổ , số 10 (: 5 + 5) của Đất thành cho nó . Ấy là năm hành quanh hành gốc, lưu hành khắp 4 mùa, 4 phương, đặng sinh dục cho muôn vật, lợi dụng cho muôn vật.

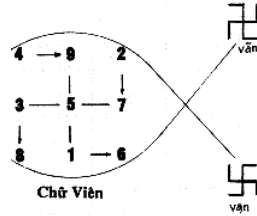
Đây là những vấn đề thuộc về sự biến hoá của vũ trụ (Kinh Dịch), rất vi diệu , cần phải học và nghiên cứu nhiều.

Vài điều minh giải:

1.- Cơ cấu **Không gian và Thời gian** (hình 1) khi duợc Luong nhất thì sinh ra vạn vật.

Einstein đã chứng minh Không gian và thời gian là hai mô căn bản (fundamental tissues) được quan niệm như hai mạng lưới đan kết với nhau mà sinh ra vạn vật, được gọi là **Thời - Không - nhất phiến** (time - Space- continuum). Trong **Lạc thư** minh Triết thì số **Lẻ** và số **chẵn** đan kết với nhau theo hình chữ **Văn** và chữ **Vạn** theo hướng và phương để cá biệt hóa mà sinh ra vạn vật. (Xem Lạc thư minh Triết của Kim Dinh)

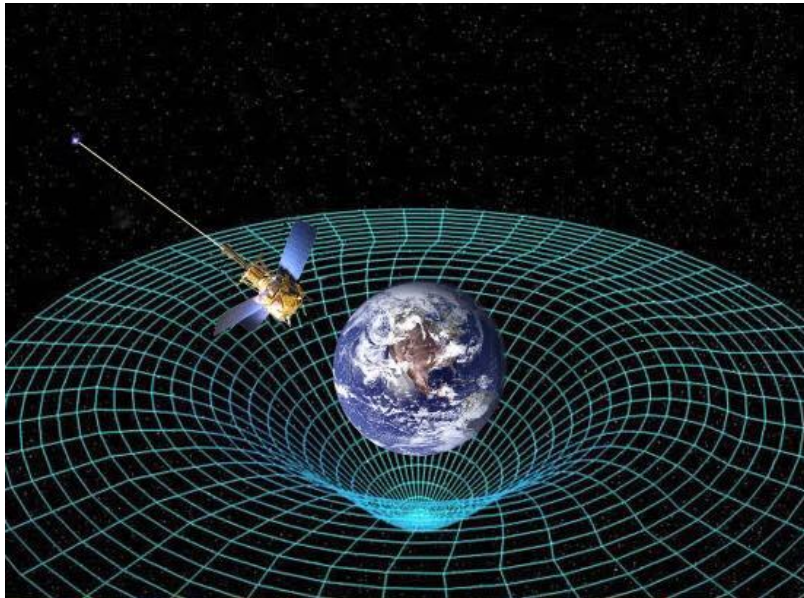
4 - 7 - 2
 |
 3 - 5 - 9
 |
 8 - 1 - 6



(1) .- Hình: warping Time and Space (SPACE.com)

Time – Space – Continuum (Einstein)

Black Hole làm cho **Tìme biến thành sợi dọc** và **Space biến thành sợi ngang**, hai mô căn bản này đan kết với nhau mà sinh ra Vạn vật.



Black Hole

Bài thứ Mười Bốn

曰 仁 義

Viết: nói rằng. **Nhân:** lòng thương mình và thương người, muôn vật và tạo vật.
Nghĩa: Việc nên làm đối với mình và người khác.

禮 智 信

Lễ: Cách bày tỏ lòng kính trọng mình và trọng người khác . **Trí:** hiểu rõ sự lý phải trái về mình và người khác . **Tín:** Lòng tin mình và tin người.

此 五 常

Thử: đó là **Ngũ:** năm **Thường:** điều phải làm thường xuyên

不 容 紊

Bất: chẳng **Dung:** tiếp nhận chịu cho **Vạn:** rối loạn

Diễn âm

Viết Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Thử Ngũ thường, bất dung vạn.

Diễn nghĩa

Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín là năm điều thường làm, gọi là Ngũ thường, chẳng nên để rối loạn.

1 .- **Nhân** là lòng yêu thương chính bản thân mình, nên phải làm cho mình trở nên con người đức trọng tài cao. Nhân cũng là lòng thương người như mình (thương người như thể thương thân), mọi người thương yêu và tôn trọng nhau, nên nói kết mọi người lại với nhau. Nhân thuộc về Tình. Đó cũng là lòng Từ bi, là lòng Bác ái.

2 .- **Nghĩa** là những bổn phận của mỗi người phải đối xử với nhau cho công bình, cho tốt lành. Nghĩa thuộc về Lý. Đó là bổn phận đối với mình và với người khác. Đó là lễ công bình.

3 .- **Lễ** là cách ăn ở biết trọng mình (tự trọng) và trọng người khác, có vậy mới sống hoà hợp được với mọi người.

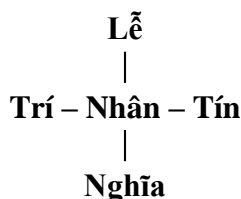
4 .- **Trí** là ý khôn phân biệt được phải trái, tốt xấu, để hiểu được chính mình và hiểu người .

5 .- **Tín** là lòng tin cậy nhau, trước hết mình phải là người đáng tin, đồng thời cũng giữ chữ tín với mọi người, lời nói và việc làm phải đi đôi, để giữ chặt mối liên hệ tốt với nhau .

Đó là 5 điều mà mỗi người phải tu luyện hàng ngày (nên gọi là 5 việc cần làm thường ngày) như ăn cơm, uống nước. Đó là phương cách rèn luyện để cho mỗi người trở nên đức trọng tài cao, để trở thành những trai hùng gái đảm.

Nói tóm lại Nhân là nguồn Tình yêu, Nghĩa là việc làm để thực hiện tinh thần công bằng. Lễ, Trí, Tín là cách quảng diễn Chữ Nghĩa là lẽ công bằng theo những phương diện khác nhau. Vì vậy, mà chỉ nói **Nhân Nghĩa cũng đủ.**

Ta có thể xếp Ngũ thường theo cơ cấu Ngũ hành:



Tất cả 4 đức Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, đều phải được tầm nhuận đức Nhân thì mới công hiệu.

Bài thứ Mười Lăm

曰 喜 怒
Viết: nói rằng Hỉ: Vui mừng, việc tốt lành Nộ: khí giận

曰 哀 懼
Viết: nói rằng Ai: bi thương, thảm Cự: kinh hãi, kinh sợ

愛 惡 欲
Ái: yêu, thương, tiếc Ó: ghét Dục: ham muốn

七 情 具
Thất: bảy Tình: những mối trong lòng vì cảm xúc mà có Cự: đầy đủ, hoàn toàn

Diễn âm

Viết hỉ nộ, viết ai cụ, ái ó dục, thất tình cụ.

Diễn nghĩa

Mừng, giận, bi thương, kinh sợ, yêu, ghét là bảy mối Tình mà ai cũng có đủ cả. Những mối tình này, nếu phát đúng tiết, nghĩa là giữ cho được điều hòa, đúng mức thì tốt, nếu ngược lại là xấu.